

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm do tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2309 giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HND, HPG

[Cập nhật công ty]

BSR

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng 1 phần tỷ trọng trading trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ của cổ phiếu

08/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,241.48	-0.13
VN30	1,249.14	-0.48
HĐTL VN30F1M	1,249.90	-0.42
HNXIndex	256.20	+0.02
HNX30	546.36	+0.37
UPCoM	94.72	+0.02
USD/VND	24,092	+0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+5
Dầu (WTI, \$)	86.69	-0.21
Vàng (LME, \$)	1,923.87	+0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,241.48 (-0.13%)
KLGD (triệu CP) 973.6 (-5.3%)
GTGD (triệu US\$) 1,093.1 (+6.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm do tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại VPB (+0.23%), VNM (+0.63%), DGC (+3.82%).

HNXIndex 256.20 (+0.02%)
KLGD (triệu CP) 107.2 (-10.9%)
GTGD (triệu US\$) 82.9 (-12.8%)

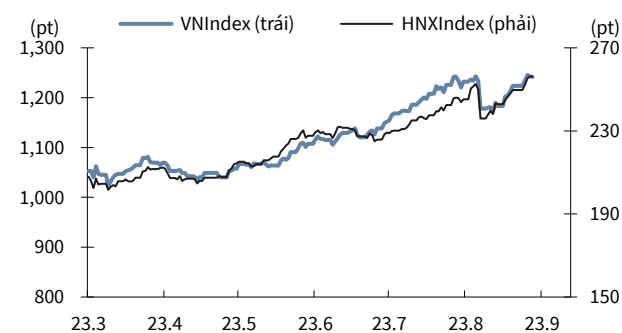
Trung Quốc mới đây đã yêu cầu một số công ty sản xuất phân bón tạm dừng xuất khẩu ure sau khi giá trong nước tăng vọt. Động thái này của Trung Quốc có thể hạn chế nguồn cung và đẩy giá toàn cầu tăng cao. Cổ phiếu nhóm Phân bón tăng giá ở DPM (+6.87%), LAS (+9.92%).

UPCoM 94.72 (+0.02%)
KLGD (triệu CP) 85.6 (+34.3%)
GTGD (triệu US\$) 42.7 (+13.8%)

Theo cập nhật từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tháng 8 vừa qua, nhà đầu tư đã mở mới trên 190,000 tài khoản chứng khoán. Cổ phiếu nhóm Chứng khoán tăng giá ở VCI (+0.43%), PSI (+5.56%).

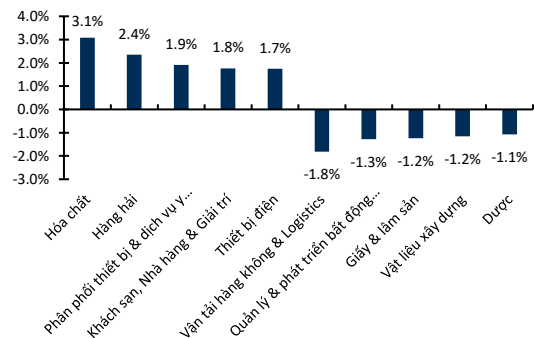
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +5.9

VNIndex & HNXIndex



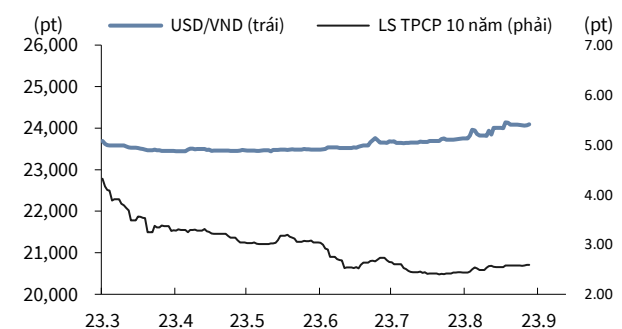
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

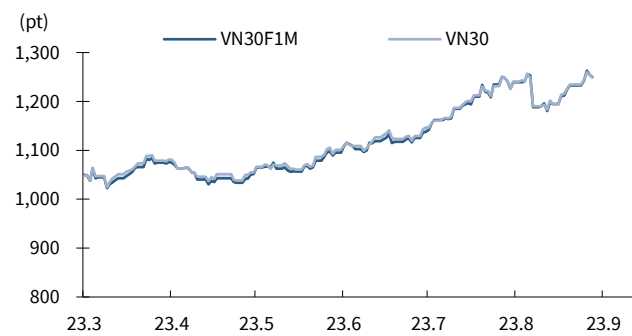
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,249.14 (-0.48%)
VN30F1M	1,249.9 (-0.42%)
Mở cửa	1,255.1
Cao nhất	1,259.2
Thấp nhất	1,248.0

HĐTL VN30F2309 giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 mở cửa tại -0.52 điểm, sau đó biến động quanh mức 1.5 điểm và đóng cửa tại 0.76 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

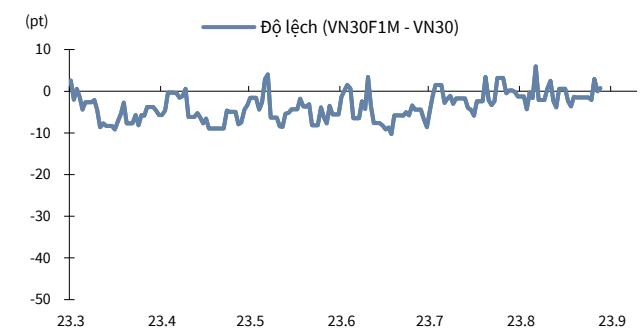
KLGD (HĐ) **190,386 (-12.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



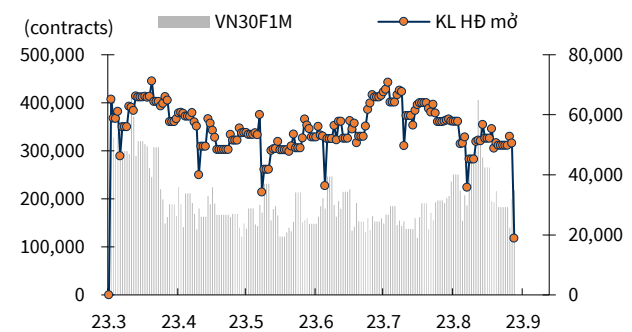
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



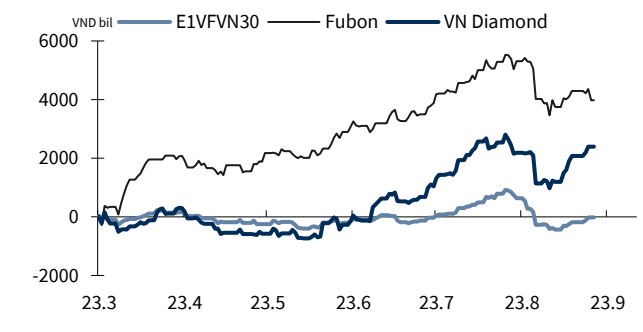
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

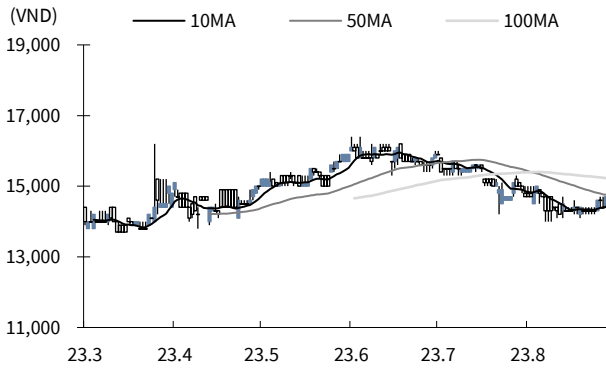
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (HND)

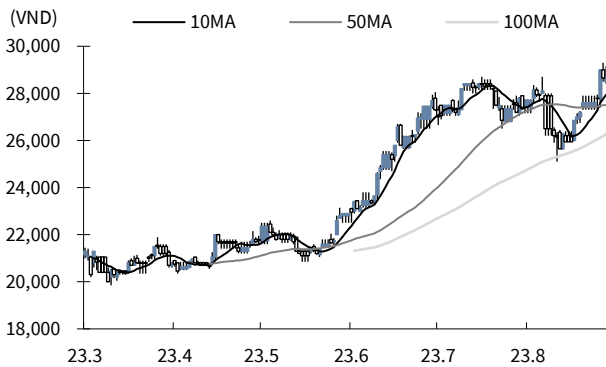


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HND tăng 0.68% lên 14,700 VND/cp

- Công ty Nhiệt điện Hải Phòng đã công bố hoạt động kinh doanh trong tháng 8 với tổng sản lượng điện sản xuất 517 triệu kWh, doanh thu đạt 889 tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng đầu năm, HND đã sản xuất tổng cộng 4,763 triệu kWh, lợi nhuận đạt 428 tỷ đồng, hoàn thành gần 76% mục tiêu lãi trước thuế. Tuy nhiên trong hai tháng 7 và 8 đã xảy ra ba sự cố nên chỉ tiêu suất tiêu hao nhiệt tinh, điện tự dung không đạt, hệ số đáp ứng không đạt. Tổng Giám đốc dự kiến tăng sản lượng và tối ưu hóa doanh thu trong quý 3 và tập trung vào công tác sửa chữa lớn cho các tổ máy.

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.35% lên 28,750 VND/cp

- Tập đoàn Hòa Phát trong 8 tháng đầu năm sản xuất hơn 4 triệu tấn thép xây dựng, phôi thép và HRC, giảm 22% so với cùng kỳ. So với tháng trước, sản lượng bán hàng tháng 8 ghi nhận tăng 8% lên 686,000 tấn thép thô, trong đó thép xây dựng tăng mạnh 18% và HRC giảm 17%. Tập đoàn đang triển khai dự án sản xuất gang thép Dung Quất 2, công suất 5,6 triệu tấn HRC/năm, dự kiến hoàn thành vào năm 2025, đến nay đã triển khai được 35% tiến độ dự án.

CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)

KQKD đã chạm đáy trong quý 2

08/09/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
 hieupm@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận gộp 1H2023 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ

Doanh thu 1H2023 của BSR giảm mạnh 22% yoy do giá dầu Brent thấp hơn 24% so với mức nền cao cùng kỳ, tác động tiêu cực đến giá bán các sản phẩm của BSR. Crack spread các sản phẩm tại châu Á giảm sâu so với mức nền cao cùng kỳ do (1) Mức tiêu thụ của thị trường Trung Quốc yếu hơn kỳ vọng và (2) Các nhà máy lọc dầu trong khu vực đạt hiệu suất cao từ cuối năm 2022, khiến lợi nhuận gộp của BSR giảm sâu 76% yoy.

Giá dầu thô Brent và Crack spread khả năng cao sẽ cải thiện trong 2H2023

Kỳ vọng giá dầu Brent sẽ duy trì ở mức trên 80 USD/thùng đến hết năm 2023 xét theo hành động gia hạn cắt sản lượng của OPEC+. Chúng tôi duy trì quan điểm rằng crack spread các sản phẩm xăng RON 95, 92 và Jet A1 tại châu Á sẽ diễn biến tích cực trong 2H2023 do (1) nhu cầu tăng cao trong mùa du lịch và (2) Trung Quốc gỡ bỏ hoàn toàn các giới hạn đường bay quốc tế. Crack spread dầu Diesel có tiềm năng hồi phục khi các chỉ số vĩ mô của Mỹ và châu Âu cải thiện so với 1H2023.

Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia được phê duyệt, giúp giảm thiểu biến động giá dầu thô đầu vào cho BSR

Theo quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia được phê duyệt trong tháng 7/2023, Việt Nam sẽ xây mới 1-2 kho dự trữ dầu thô tại các khu vực gần nhà máy lọc dầu với tổng công suất 1-2 triệu tấn dầu thô. Chúng tôi kỳ vọng nguồn dầu thô đầu vào của BSR sẽ được ổn định cả về giá và sản lượng trong dài hạn nếu kho dự trữ dầu thô được xây dựng tại khu vực Dung Quất.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu là 24,100 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFE, và P/B chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BSR. Giá mục tiêu là 24,100 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 16.4% so với giá tại ngày 07/09/2023. Chúng tôi nâng giá mục tiêu so với báo cáo cập nhật gần nhất để phản ánh diễn biến crack spread dầu Diesel tích cực hơn so với kỳ vọng.

MUA

Duy trì

Giá mục tiêu 24,100 VND

Tăng/giảm (%)	16.4%
Giá hiện tại (07/09/2023)	VND20,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND22,360
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	64,180/3,197

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	7.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	172.5/8.6
Sở hữu nước ngoài (%)	0.4%
Cổ đông lớn	PVN (92.1%)

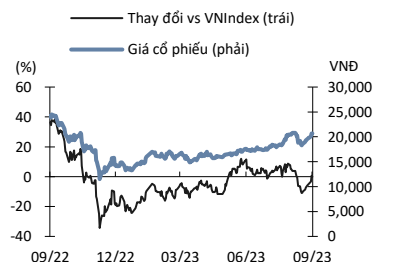
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.5	17.6	25.5	-14.5
Tương đối	-0.1	4.7	3.5	-14.6

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	101,080	167,124	137,977	108,727
Lãi/lỗ từ HĐKD	6,511	14,673	6,554	6,014
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	6,716	14,726	6,637	6,176
EPS (VNĐ)	2,073	4,750	2,141	1,992
Tăng trưởng EPS (%)	-328.1	129.1	-55.0	-7.0
P/E (x)	11.0	4.6	10.1	10.8
P/B (x)	1.9	1.3	1.3	1.2
ROE (%)	17.8	28.7	12.3	10.7
Tỷ suất cổ tức (%)	0.7	2.0	2.3	2.3

Nguồn: Bloomberg, KBSV

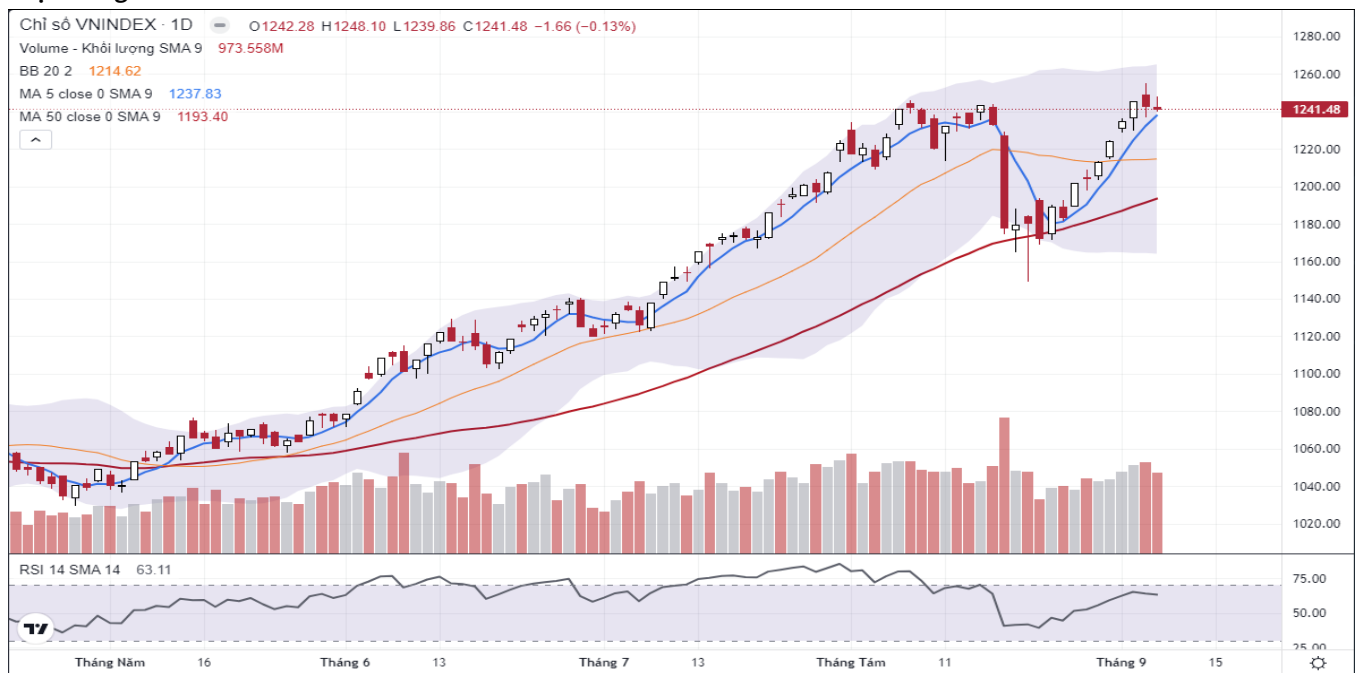


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giằng co về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời một lần nữa gia tăng quanh vùng đỉnh cũ 1245 đã khiến cho đà tăng điểm của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, VNIndex nhiều khả năng sẽ trải qua các nhịp điều chỉnh giằng co nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với ngưỡng hỗ trợ gần được đặt quanh 122x.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng 1 phần tỷ trọng trading trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ của cổ phiếu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1259 - 1263

Kháng cự gần: 1252 - 1255

Hỗ trợ gần: 1244 - 1246

Hỗ trợ xa: 1234 - 1237

- Sau nhịp tăng mở gap đầu phiên, F1 dần suy yếu và đánh mất toàn bộ thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời một lần nữa gia tăng quanh vùng đỉnh cũ 1260 (+5) đã khiến cho đà tăng điểm của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, F1 nhiều khả năng sẽ trải qua các nhịp điều chỉnh giảm co nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn với ngưỡng hỗ trợ gần được đặt quanh 122x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

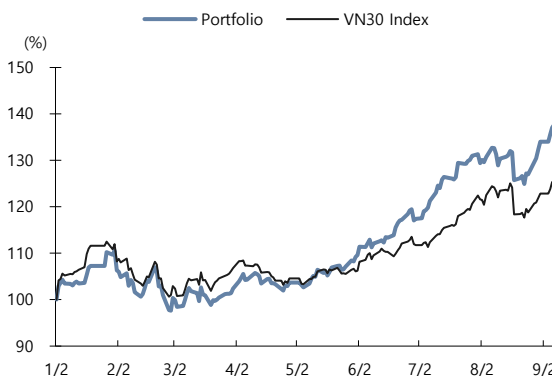
KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giữ định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

So sánh hiệu suất với VN30 Index



	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.48%	1.42%
Tăng lũy kế (YTD)	24.27%	39.70%

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	14,750	-1.7%	-1.0%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	30,550	5.5%	9.5%	- Mảng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	84,000	-0.2%	30.2%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	26,000	0.4%	4.6%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	26,450	-0.2%	3.7%	- Giá thịt heo sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục về quanh mức 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	97,600	-0.3%	205.5%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	38,100	6.9%	6.6%	- Đà giảm giá cước vận tải kì vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	21,000	1.9%	4.0%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN gộp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Sơn Refinery (BSR)	01/08/2023	32,500	-1.5%	12.3%	- Mức crack spread trên thế giới có thể được cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	21,400	3.4%	10.3%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VPB	0.2%	16.3%	524.2
VNM	0.6%	55.0%	47.2
DGC	3.8%	14.6%	39.7
PDR	0.0%	4.0%	36.2
VCB	0.0%	23.5%	29.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.0%	96.9%	-214.8
HPG	0.4%	26.0%	-125.6
MSN	-0.2%	30.0%	-58.0
VHC	0.0%	31.8%	-43.5
STB	-1.5%	23.7%	-42.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.8%	1.2%	12.4
TNG	1.9%	19.7%	8.2
CEO	-0.7%	5.0%	4.7
TSB	8.9%	0.0%	2.2
SHS	-0.5%	11.6%	1.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	0.0%	7.9%	-1.5
PSD	-2.3%	0.0%	-0.5
HCC	-0.8%	16.4%	-0.4
VFS	-1.5%	0.0%	-0.2
PSW	9.5%	2.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	7.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Phụ tùng oto	5.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hóa chất	5.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Kim loại & khai thác	4.6%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	4.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.2%	TLG, ILB, APC, ST8
Vận tải hàng không & Logistics	-1.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Máy móc	-0.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Ngành chưa phân loại	0.0%	CKG, PSH, NHH, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	15.1%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	12.6%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	10.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	9.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Phụ tùng oto	9.5%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-7.3%	VHM, VIC, NVL, BCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-5.6%	TNH, JVC, VMD
Bảo hiểm	-3.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.2%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,199,899 (50.1)	22.5	69.9	65.4	14.7	2.9	2.9	2.0	1.9	-2.8	-4.7	-11.8	9.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	367,196 (15.3)	26.6	6.6	6.1	35.9	21.3	19.4	1.3	1.1	-2.0	-1.1	-14.0	12.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	199,669 (8.4)	17.8	16.1	15.1	-7.6	11.8	11.5	1.8	1.7	-2.3	-0.3	-4.5	12.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	936,025 (39.1)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.2	1.2	1.9	9.7	8.1	57.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	67,082 (2.8)	11.6	27.9	25.1	13.7	8.2	8.2	1.9	1.9	-0.7	1.0	2.7	36.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	532,876 (22.3)	13.9	42.0	44.4	-	3.7	3.4	1.4	1.4	-1.1	1.8	20.5	77.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	131,639 (5.5)	6.3	15.1	12.7	11.7	22.7	21.3	2.9	2.3	0.0	0.4	-1.3	32.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,098 (3.1)	12.7	11.8	9.6	-5.3	19.5	19.2	2.1	1.7	-0.7	1.7	-3.4	21.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	210,716 (8.8)	0.0	6.8	5.3	14.3	15.0	16.5	0.9	0.8	-1.1	4.0	4.0	36.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	215,908 (9.0)	1.4	8.5	7.0	50.3	16.9	17.7	1.2	1.1	-1.1	0.6	-0.9	18.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	379,870 (15.9)	0.0	10.3	8.0	18.8	11.4	12.9	1.3	1.2	0.2	4.8	-1.8	21.8
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	191,945 (8.0)	0.0	5.0	4.2	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	-1.0	3.8	-0.5	28.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	51,039 (2.1)	4.2	6.1	4.0	23.3	19.8	24.5	1.1	0.9	0.3	6.1	0.0	25.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	799,663 (33.4)	14.0	8.1	5.3	26.5	18.7	23.2	1.3	1.1	-1.5	0.0	9.1	44.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	160,975 (6.7)	0.0	7.5	6.4	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	-1.3	-0.8	2.1	28.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	214,627 (9.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.2	0.8	5.8	9.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	33,958 (1.4)	21.0	16.2	15.4	15.8	11.4	9.8	1.6	1.5	-0.2	1.3	-4.0	-2.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,353 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	1.0	3.4	11.8	34.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	894,355 (37.4)	55.4	32.3	25.5	-3.2	9.9	8.9	2.3	2.3	0.3	0.7	16.0	90.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	228,080 (9.5)	71.9	29.7	22.1	-4.0	10.5	13.6	3.1	2.9	0.4	0.0	6.3	101.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	228,197 (9.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.3	4.0	9.0	70.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	699,268 (29.2)	27.2	24.6	18.4	36.3	7.9	10.2	1.9	1.8	-0.6	0.6	17.7	75.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	272,119 (11.4)	42.1	18.9	16.1	4.0	29.5	32.3	5.4	5.5	0.6	2.8	7.4	5.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	43,895 (1.8)	36.9	22.3	20.0	7.3	19.4	19.7	4.1	3.6	0.1	0.5	-0.6	-3.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	178,488 (7.5)	16.5	48.7	27.5	-51.9	10.7	13.1	5.7	5.0	-0.2	2.8	-8.3	-12.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,300 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	2.2	-6.9	0.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	90,708 (3.8)	11.0	58.1	26.7	-88.5	6.4	13.2	3.5	3.0	0.4	4.6	-1.6	-7.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	82,636 (3.4)	10.8	12.2	16.9	-57.0	30.4	12.6	2.2	2.1	1.4	10.4	10.8	42.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	257,809 (10.8)	38.4	18.7	15.2	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	1.3	4.7	9.4	80.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	516,488 (21.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.5	9.8	11.7	107.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	60,011 (2.5)	3.6	-	30.5	-52.4	-0.8	-0.2	0.6	0.6	0.6	8.3	0.0	103.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	44,934 (1.9)	0.0	9.7	8.5	-4.5	14.7	15.2	1.4	1.2	0.6	1.6	-1.4	2.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	55,785 (2.3)	46.1	16.3	15.2	-17.5	18.5	16.6	3.1	2.8	-0.7	2.9	1.0	0.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,821 (0.9)	31.4	13.3	11.1	-10.5	13.5	16.2	1.8	1.7	2.6	7.1	-2.6	2.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,662 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-0.7	1.7	-0.3	16.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	799,725 (33.4)	18.0	23.0	12.8	21.9	7.4	12.8	1.6	1.5	0.3	5.7	5.7	59.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	145,874 (6.1)	36.5	12.0	9.0	-0.5	9.3	13.3	1.2	1.2	6.9	11.9	2.3	-5.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	139,807 (5.8)	46.5	13.7	9.0	-4.5	11.6	17.6	1.7	1.5	7.0	11.3	1.3	27.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	265,455 (11.1)	38.9	-	22.8	67.9	1.3	6.0	1.2	1.2	2.3	11.7	17.6	96.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	106,030 (4.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.9	2.3	-9.5	60.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	45,729 (1.9)	4.6	19.4	14.2	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	0.1	2.6	-3.7	24.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	104,200 (4.4)	39.9	38.1	22.9	-11.9	4.9	8.0	1.0	1.0	-0.2	5.4	1.3	48.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	71,999 (3.0)	35.9	8.2	7.6	2.2	15.5	14.7	1.1	1.1	1.9	7.9	-1.4	9.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	392,007 (16.4)	0.0	66.3	17.9	14.4	5.2	16.5	3.4	3.0	0.9	3.2	3.5	29.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	54,568 (2.3)	0.0	15.6	13.4	2.4	20.3	21.1	3.0	2.7	-0.2	4.1	3.2	-6.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,301 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	4.4	-6.1	47.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	95,724 (4.0)	30.3	316.2	24.2	-75.2	0.6	18.5	5.4	4.4	2.1	3.2	8.7	43.3
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,757 (1.0)	34.6	13.6	16.8	41.2	14.7	11.6	2.0	2.0	0.9	-0.6	-4.6	26.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,095 (0.2)	45.4	14.1	13.2	10.7	25.4	23.8	3.2	2.8	-1.4	4.6	3.3	43.5
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	207,131 (8.6)	0.0	20.6	16.7	15.5	27.2	28.7	7.0	5.9	-0.3	1.0	15.9	46.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

